

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2017/HSST
Ngày: 19/7/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quốc Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Quý;
2. Ông Quách Xuân Luyện.

- Thư ký phiên toà: Bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2017/HSST ngày 26 tháng 5 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

Lại Thị D, sinh năm 1985; nơi cư trú và đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn LN, xã TB, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Cán bộ phòng Tư pháp huyện TL; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: V Nam; con ông Lại Văn C và bà Hoàng Thị H; chồng: Nguyễn Văn T; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1. Chị Đinh Thị H1, sinh năm 1980; có đơn xin vắng mặt phiên tòa;
2. Anh Phạm Bằng V, sinh năm 1977; có đơn xin vắng mặt phiên tòa;

Đều cư trú tại: tổ 7, phường TT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Bùi Quang T1, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn CH, xã LS, huyện TL, tỉnh Hà Nam; có đơn xin vắng mặt phiên tòa.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn LN, xã TB, huyện TL, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

3. Anh Lê Đình Chiến, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn Non, xã Thanh Lưu, huyện TL, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, thì nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 24/11/2016, chị Đinh Thị H1 là phó Phòng tư pháp huyện TL, tỉnh Hà Nam có mang theo chiếc ví giả da màu đỏ, bên trong ví có số tiền 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) đến phòng làm việc để sử dụng việc cá nhân và đóng thuế đất. Số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) chị H1 xếp thành ba tập, mỗi tập là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) gồm các tờ tiền có mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để riêng trong ngăn có khóa kéo, số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cùng giấy tờ tùy thân để ở ngăn còn lại. Khi đến phòng làm việc chị H1 để chiếc ví vào trong tủ cá nhân rồi khóa lại. Quá trình làm việc chị H1 có mở tủ lấy hồ sơ ra để làm, đến khoảng 9 giờ cùng ngày chị H1 có điện thoại nên đi ra ngoài nghe nhưng không rút chia khóa tủ cá nhân. Lúc này chỉ còn một mình Lại Thị D làm việc trong phòng. Do nghi ngờ ngày 23/11/2016 chị H1 lấy trộm tiền của mình nên D đã mở khóa tủ của chị H1 lục ví cá nhân và lấy trộm 01 tập tiền gồm 20 tờ tiền có mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), tổng số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), sau đó D giấu ở ngăn kéo bàn làm việc của mình. Đến 17 giờ cùng ngày D mở ngăn kéo bàn làm việc lấy số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) trước đó đã lấy trộm của chị H1 bỏ vào túi áo khoác sau đó bỏ vào cốp xe mang về nhà. Hết giờ làm việc, chị H1 về đến nhà mở ví thì phát hiện bị mất 10.000.000đ nên gọi điện báo cho ông Lê Đình Chtrưởng phòng Tư pháp biết, ông Chđiện báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TL. Đến ngày 26/11/2016 D cùng chồng là Nguyễn Văn T đã mang số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đến nhà chị H1 để trả lại.

Tang vật, tài sản thu giữ: Số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) do chị Đinh Thị H1 tự nguyện giao nộp.

Ngày 04/12/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TL đã trao trả số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cho chị Đinh Thị H1.

Tại phiên tòa, bị cáo Lại Thị D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội D vụ án đã nêu. Bị cáo xác định đã trả lại chị Đinh Thị H1 số tiền mà bị cáo đã trộm cắp là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 42/KSĐT ngày 24/5/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện TL đã truy tố Lại Thị D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 138 của Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TL giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày lời luận tội đối với bị cáo Lại Thị D: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận đã trộm cắp của chị Đinh Thị H1 số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng). Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ. Do đó hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lại Thị D phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 điều 46; điều 31 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Khoản 3 điều 7; điểm x khoản 1 điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội, xử phạt Lại Thị D từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; trách nhiệm dân sự bị cáo đã bồi thường xong, người bị hại không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo có thu nhập thấp đang nuôi con nhỏ, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo; buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Lại Thị D không có ý kiến tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội chuộc lại lỗi lầm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo Lại Thị D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 24/11/2016, Lại Thị D đã lén lút trộm cắp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) của chị Đinh Thị H1 để trong tủ cá nhân ở phòng làm việc tại Phòng tư pháp huyện TL. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TL truy tố bị cáo là có căn cứ pháp luật.

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại cơ quan nơi làm việc, gây hoang mang lo lắng cho cán bộ, công chức trong cơ quan hành C, hành vi của bị cáo còn thể hiện sự coi thường pháp luật, bản thân bị cáo là người có trình độ học vấn và là cán bộ công chức nhưng lại có hành vi vi phạm pháp luật. Vì vậy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

Trong lượng hình cũng xem xét về nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quá trình tố tụng người bị hại chị Đinh Thị H1 có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, ngoài ra bị cáo có bố đẻ là ông Lại Văn C đã có công với nước được nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Sau khi xem xét, đánh giá tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết liên quan và áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 về áp dụng các tình tiết có lợi cho người phạm tội. Hội đồng xét xử thấy bị cáo Lại Thị D được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã nêu trên, xem xét áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành công dân tốt, đồng thời cũng có tác dụng phòng ngừa chung. Đây cũng thể hiện tính nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội.

Về hình phạt bổ sung: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã làm rõ bị cáo có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng vụ án: Số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) bị cáo Lại Thị D tự nguyện trả lại cho chị Đinh Thị H1, Cơ quan điều tra đã thu giữ. Ngày 04/12/2016, Cơ quan điều tra Công an huyện TL đã trả lại

cho chị H1 là đúng pháp luật, chị H1 cũng không có yêu cầu gì về dân sự nên không đặt ra xem xét.

Về án phí và quyền kháng cáo: Lại Thị D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo và người bị hại thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Lại Thị D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 điều 138, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 điều 46, điều 31 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 điều 7, điểm x khoản 1 điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội.

- Xử phạt bị cáo Lại Thị D 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục, người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản án. Giao bị cáo Lại Thị D cho Ủy ban nhân dân xã TB, huyện TL, tỉnh Hà Nam nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2. Án phí: Áp dụng điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Lại Thị D phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND H. TL.
- CA H. TL;
- Chi cục THADS H. TL;
- Bị cáo.
- Người bị hại;
- Lưu HS.
- Lưu án văn.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Quốc Huy